

Số: **5286/BTNMT-ĐCKS**Hà Nội, ngày **05** tháng **10** năm **2017**

V/v cung cấp số liệu tính tiền cấp quyền khai
thác khoáng sản giai đoạn từ 01/7/2011 đến
31/12/2013.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện quy định của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP của Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã tổ chức xác định và phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các Giấy phép khai thác khoáng sản theo thẩm quyền cấp phép. Tuy nhiên, phần trữ lượng khoáng sản các tổ chức cá nhân sở hữu giấy phép đã khai thác từ 1/7/2011 đến 31/12/2013 chưa thu theo chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ tại văn bản số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014. Theo đề nghị của Kiểm toán nhà nước, (Đoàn kiểm toán theo Quyết định số 1339/QĐ-KTNN ngày 05 tháng 9 năm 2017 về Kiểm toán Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2014-2016) Bộ Tài nguyên và Môi trường trân trọng đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp thực các nội dung như sau:

- 1) Thống kê toàn bộ các Giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh còn hiệu lực tại thời điểm 1/7/2011.
- 2) Hiện trạng số liệu trữ lượng khoáng sản đã khai thác từ 1/7/2011 đến 31/12/2013.
- 3) Tổ chức xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng theo các giai đoạn từ 01/7/2011÷31/12/2013 và từ 01/01/2014 đến khi hết hạn Giấy phép khai thác khoáng sản theo đúng quy định hiện hành.

Nội dung cung cấp số liệu theo mẫu tại Phụ lục đính kèm. Thời gian cung cấp số liệu chậm nhất là **ngày 20 tháng 10 năm 2017** để Bộ tổng hợp, báo cáo Đoàn kiểm toán nhà nước.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để b/cáo);
- Kiểm toán nhà nước;
- Tổng cục ĐC&KSVN;
- Lưu: VP, ĐCKS, B(70).



Nguyễn Linh Ngọc

Phụ lục: Mẫu cung cấp số liệu tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản giai đoạn từ ngày 01/7/2011 đến ngày 31/12/2013
(Kèm theo Công văn số 244/BTNMT-ĐCKS ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tên tổ chức, cá nhân KTKS	Số Giấy phép KTKS	Tổng thời gian khai thác	Loại khoáng sản	Trữ lượng ghi trong Giấy phép	Trữ lượng đã khai thác từ ngày 01/7/2011 đến ngày 31/12/2013	Giá tính tiền cấp quyền khai thác KS	Tiền cấp quyền khai thác KS từ ngày 01/7/2011 đến ngày 31/12/2013	Tổng số tiền cấp quyền khai thác KS	Mã số thuế
1										
2										
...										

....., ngàytháng.....năm 2017
 TM. UBND TỈNH